

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3944 /UBND-KGVX

V/v phân bổ thẻ đăng ký khám chữa bệnh
ban đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh

Đồng Nai, ngày 25 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Sở Y tế.

Sau khi xem xét Văn bản số 601/BHXXH-GĐBHYYT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh về việc báo cáo công tác phân bổ thẻ đăng ký khám chữa bệnh ban đầu năm 2023 (*file điện tử đính kèm*); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Tiếp theo Thông báo số 117/TB-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 về thông báo kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Sơn Hùng tại cuộc họp về tình hình thực hiện, tồn tại, vướng mắc về phân bổ thẻ và thanh quyết toán bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh, trong đó giao Bảo hiểm xã hội tỉnh lấy ý kiến và có sự thống nhất với các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh; đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng, tránh trường hợp tiêu cực, lạm dụng.

1. Giao Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Y tế cùng các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ sở y tế liên quan tổ chức Hội nghị thống nhất ý kiến về phân bổ thẻ đăng ký khám chữa bệnh ban đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh (trong đó xác định rõ cơ sở pháp lý để xây dựng tiêu chí, công thức phân bổ thẻ đảm bảo tính công bằng giữa các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập).

2. Giao Sở Y tế tổng hợp ý kiến của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh về dự kiến phân bổ thẻ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2023 do Bảo hiểm xã hội dự kiến phân bổ; trên cơ sở đó, phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh thống nhất ý kiến tại Hội nghị lấy ý kiến của các đơn vị đảm bảo tính công khai, minh bạch, đúng quy định.

Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Y tế nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo tại Thông báo số 117/TB-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh. Kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh trước khi phân bổ thẻ cho các cơ sở y tế; thời gian báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/5/2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (KGVX);
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX (S, T).

<Tannd T4.2023>



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 601 /BHXH-GĐBHYT
V/v báo cáo công tác phân bổ thẻ
đăng ký khám chữa bệnh ban đầu
năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Thông báo số 117/TB-UBND ngày 27/03/2023 v/v kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Sơn Hùng tại cuộc họp về tình hình thực hiện, tồn tại, vướng mắc về phân bổ thẻ và thanh quyết toán bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai xin báo cáo như sau:

Về công tác đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu (phân bổ thẻ bảo hiểm y tế), thực hiện theo nguyên tắc:

- Căn cứ Quyết định số 3438/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Công văn số 4239/BHXH-CSYT ngày 02/11/2015 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc tổ chức thực hiện đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu cho người tham gia BHYT tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Dựa trên khả năng tiếp nhận thẻ KCB ban đầu của từng cơ sở KCB (bàn khám, bác sỹ, ngày giờ làm việc thực tế, lưu lượng khám,...).

- Dựa trên địa giới hành chính (chỉ tiêu phát triển người tham gia BHYT) của từng huyện, thành phố.

Không phân biệt cơ sở y tế nhà nước và tư nhân, cơ sở y tế thuộc các Bộ, ngành quản lý đóng trên địa bàn. Đảm bảo công khai, minh bạch.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai kính trình Ủy ban Nhân dân tỉnh bảng dự kiến phân bổ thẻ bảo hiểm y tế đăng ký khám chữa bệnh ban đầu năm 2023 (*phụ lục đính kèm*).

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai kính báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng
Nai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GĐBHYT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Thành

BẢNG DỰ KIẾN PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG THẺ BHYT NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số /BHXH-GDBHYT ngày tháng năm 2023 của BHXH tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên đơn vị	Mã cơ sở	Số thẻ dự kiến năm 2023	Ghi chú
	Biên Hòa		1,279,910	
1	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Đồng Nai	75001	80,000	Tuyển tỉnh
2	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	75002	70,000	Tuyển tỉnh
3	Bệnh Viện Quân Y 7B	75021	31,878	Tuyển tỉnh
4	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	75022	393,000	Tuyển tỉnh
5	Bệnh Viện Y Dược Cổ Truyền	75232	9,902	Tuyển tỉnh
6	Công Ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Hồng Phước	75258	15,190	
7	Công Ty CP Bệnh Viện Quốc Tế Đồng Nai	75263	52,896	
8	Công Ty CP Bệnh Viện Quốc Tế Chấn Thương Chính Hình Sài Gòn Đồng Nai	75266	52,322	
9	Công ty TNHH PKĐK Liên Chi	75184	11,702	
10	Công ty TNHH PKĐK Hoàng Anh Đức	75187	11,815	
11	Công ty TNHH PKĐK Y Đức	75248	16,878	
12	Công ty TNHH PKĐK Long Bình	75250	16,878	
13	Công ty TNHH PKĐK Tam Đức	75251	13,566	
14	Công ty TNHH PKĐK Ái Nghĩa Đồng Khởi	75252	15,190	
15	Công ty TNHH PKĐK Dân Y	75254	15,190	
16	Công Ty TNHH Nguyễn An Phúc	75255	18,566	
17	Công ty TNHH PKĐK Sinh Hậu	75257	16,878	
18	Công ty CP PKĐK Y Sài Gòn	75267	20,254	
19	Công Ty TNHH PKĐK An Bình Na Sa	75268	6,751	
20	PKĐK Trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Nai	75273	7,314	
21	Công Ty TNHH PKĐK Ái Nghĩa Biên Hòa	75279	15,190	
22	Công Ty TNHH PKĐK Quốc Tế Long Bình - Cn C11	75286	20,254	
23	Công Ty TNHH Bv Sài Gòn Tam Phước PKĐK	75287	15,190	
24	Công Ty TNHH PKĐK Tân Long	75288	21,942	
25	Công ty TNHH 1 Tv Bệnh Viện Đại Học Y Dược Shing Mark	75294	48,947	
26	Công ty TNHH Dịch Vụ Y Tế Tam Phước- PKĐK	75295	13,566	
27	PKĐK Tâm An Pouchen	75296	15,190	
28	Công Ty TNHH PKĐK Dân Y Biên Hòa	75301	16,878	
29	Công Ty TNHH PKĐK Đồng Sài Gòn Vslđ	75302	18,566	
30	PKĐK Hạnh Phúc	75402	13,503	
31	Bệnh Xá Trường Sĩ Quan Lục Quân 2	97109	8,664	
32	Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật - Phòng Khám Chuyên Khoa Hiv/Aids	75308		Bv chuyên khoa, không đk KCBBĐ
33	Bệnh Viện Da Liễu Tỉnh	75234		Bv chuyên khoa, không đk KCBBĐ
34	Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương 2	75253		Bv chuyên khoa, không đk KCBBĐ

STT	Tên đơn vị	Mã cơ sở	Số thẻ dự kiến năm 2023	Ghi chú
35	Bệnh Viện Phổi Đồng Nai	75005		Bv chuyên khoa, không dk KCBBĐ
36	Công Ty Cp Dịch Vụ Y Tế Bệnh Viện Mẹ Âu Cơ	75271	11,878	
37	Công ty TNHH PKĐK Long Bình Tân	75401	16,878	
38	PKĐK Quốc Tế Sỹ Mỹ - Taekwang 2	75416	8,777	
39	Công Ty TNHH Y Khoa Tâm Anh PKĐK Tâm Anh	75419	16,878	
40	PKĐK Quốc Tế Sỹ Mỹ - Taekwang 1	75418	5,851	
41	Công Ty CP Bệnh Viện Đồng Nai -2	75421	54,010	
42	PKĐK Hoàng Gia Tam Phước	75433	11,878	
43	PKĐK Quốc Tế Mỹ Đức	75443	11,702	
44	PKĐK Ái Nghĩa Ngã Tư Vũng Tàu	75445	11,815	
45	PKĐK Dân Y Biên Hòa - Cn Trảng Dài	75450	10,127	
46	Phòng khám đa khoa Tân Long - Tam Phước	75439	5,000	
47	Trung Tâm Y Tế Tp Biên Hòa	75003	17,553	
48	Trạm Y Tế Xã Hiệp Hòa	75007	500	
49	Trạm Y Tế Phường Hòa Bình	75048	500	
50	Trạm Y Tế Phường Thống Nhất	75049	500	
51	Trạm Y Tế Phường Tân Vạn	75051	500	
52	Trạm Y Tế Phường Long Bình	75052	500	
53	Trạm Y Tế Phường Tân Hiệp	75053	500	
54	Trạm Y Tế Phường Tân Biên	75054	500	
55	Trạm Y Tế Phường Tân Phong	75055	500	
56	Trạm Y Tế Phường An Bình	75057	500	
57	Trạm Y Tế Phường Bình Đa	75058	500	
58	Trạm Y Tế Xã Hóa An	75059	500	
59	Trạm Y Tế Phường Thanh Bình	75060	500	
60	Trạm Y Tế Phường Trung Dũng	75061	500	
61	Trạm Y Tế Phường Quang Vinh	75062	500	
62	Trạm Y Tế Phường Bửu Long	75063	500	
63	Trạm Y Tế Phường Long Bình Tân	75064	500	
64	Trạm Y Tế Phường Trảng Dài	75065	500	
65	Trạm Y Tế Phường Tân Hòa	75066	500	
66	Trạm Y Tế Phường Tân Tiến	75067	500	
67	Trạm Y Tế Phường Tam Hiệp	75068	500	
68	Trạm Y Tế Phường Tam Hoà	75069	500	
69	Trạm Y Tế Phường Hố Nai	75070	500	
70	Trạm Y Tế Xã Tân Hạnh	75071	500	
71	Trạm Y Tế Xã Long Hưng	75073	500	
72	Trạm Y Tế Xã An Hoà	75074	500	

STT	Tên đơn vị	Mã cơ sở	Số thẻ dự kiến năm 2023	Ghi chú
73	Trạm Y Tế Xã Phước Tân	75075	500	
74	Trạm Y Tế Xã Tam Phước	75076	500	
	Long Thành		208,090	
75	Bệnh Viện Đa Khoa Kv Long Thành	75008	45,417	Tuyển tỉnh
76	Chi Nhánh 2- Công Ty TNHH PKĐK Ái Nghĩa Đồng Khởi - PKĐK Ái Nghĩa Long Thành	75260	27,752	
77	Công Ty TNHH PKĐK Thành Tâm	75283	16,651	
78	Công Ty Cp PKĐK Duy Khang	75278	12,951	
79	PKĐK - Trung Tâm Y Tế Huyện Long Thành	75299	5,427	
80	Công Ty TNHH PKĐK Thanh Sang	75309	14,801	
81	Công Ty TNHH ITv PKĐK Lê Thành	75407	14,801	
82	Chi Nhánh 1-Công Ty TNHH PKĐK Hoàng Anh Đức - PKĐK Hoàng Anh Đức Long Thành	75414	11,101	
83	Công Ty TNHH Mtv PKĐK Xuân Triệu	75415	8,140	
84	PKĐK An Bình Clinic	75437	11,101	
85	Trạm Y Tế Xã An Phước	75077	734	
86	Trạm Y Tế Xã Long Đức	75078	500	
87	Trạm Y Tế Xã Lộc An	75079	500	
88	Trạm Y Tế Xã Bình Sơn	75080	3,917	
89	Trạm Y Tế Xã Bình An	75081	3,126	
90	Trạm Y Tế Xã Cẩm Đường	75083	3,506	
91	Trạm Y Tế Xã Long An	75084	2,809	
92	Trạm Y Tế Xã Phước Thái	75085	3,030	
93	Trạm Y Tế Xã Tân Hiệp	75086	5,601	
94	Trạm Y Tế Xã Phước Bình	75087	2,903	
95	Trạm Y Tế Xã Bầu Cạn	75088	3,869	
96	Trạm Y Tế Xã Tam An	75089	2,317	
97	Trạm Y Tế Thị Trấn Long Thành	75090	4,707	
98	Trạm Y Tế Xã Long Phước	75138	2,430	
	Long Khánh		151,160	
99	Bệnh Viện Đa Khoa Kv Long Khánh	75009	77,189	Tuyển tỉnh
100	Công Ty TNHH PKĐK Ái Nghĩa Đồng Khởi - Ái Nghĩa Long Khánh	75281	21,357	
101	Công Ty TNHH PKĐK Sài Gòn- Long Khánh	75282	12,204	
102	Phòng Khám Nội Tổng Hợp Thuộc Trung Tâm Y Tế Thành Phố Long Khánh	75441		
103	Trạm Y Tế Phường Xuân Hòa	75091	1,415	
104	Trạm Y Tế Xã Hàng Gòn	75099	1,378	
105	Trạm Y Tế Xã Xuân Tân	75100	1,327	
106	Trạm Y Tế Xã Xuân Lập	75101	500	
107	Trạm Y Tế Xã Bàu Sen	75103	500	

STT	Tên đơn vị	Mã cơ sở	Số thẻ dự kiến năm 2023	Ghi chú
108	Trạm Y Tế Xã Bảo Vinh	75105	2,968	
109	Trạm Y Tế Xã Bảo Quang	75106	2,496	
110	Trạm Y Tế Xã Bình Lộc	75108	1,981	
111	Trạm Y Tế Xã Bàu Trâm	75205	776	
112	Trạm Y Tế Phường Xuân Trung	75206	1,680	
113	Trạm Y Tế Phường Phú Bình	75207	920	
114	Trạm Y Tế Phường Xuân Bình	75208	1,033	
115	Trạm Y Tế Phường Xuân An	75209	1,933	
116	Trạm Y Tế Phường Xuân Thanh	75210	1,670	
117	Bệnh Viện Công Ty Cao Su	75030	19,832	
118	Phòng Khám Điều Trị Hiv/Aids Thuộc Ttyt TP Long Khánh	75303		PK chuyên khoa, không dk KCBBD
	Định Quán		168,400	
119	Bệnh Viện Đa Khoa Kv Định Quán	75011	84,350	Tuyển tỉnh
120	Công Ty TNHH PKĐK Việt Hương	75298	23,370	
121	Trạm Y Tế Xã Suối Nho	75032	11,484	
122	Trạm Y Tế Xã Phú Ngọc	75033	3,361	
123	Trạm Y Tế Xã Thanh Sơn	75034	6,029	
124	Trạm Y Tế Xã Phú Hòa	75139	637	
125	Trạm Y Tế Xã Túc Trưng	75140	7,120	
126	Trạm Y Tế Xã Phú Vinh	75141	3,193	
127	Trạm Y Tế Xã Gia Canh	75142	1,254	
128	Trạm Y Tế Xã Phú Tân	75143	2,444	
129	Trạm Y Tế Xã Phú Lợi	75144	2,978	
130	Trạm Y Tế Xã Ngọc Định	75145	500	
131	Trạm Y Tế Xã Phú Cường	75146	7,866	
132	Trạm Y Tế Xã La Ngà	75147	4,416	
133	Trạm Y Tế Xã Phú Túc	75242	6,965	
134	Trạm Y Tế Thị Trấn Định Quán	75241	2,433	
	Trảng Bom		251,030	
135	Trung Tâm Y Tế Huyện Trảng Bom	75012	44,273	
136	Công ty TNHH PKĐK Y Đức Trị An	75259	33,205	
137	Chi Nhánh Công ty TNHH MTV Huỳnh Phụng - PKĐK Hoàng Dũng	75265	29,519	
138	Công Ty TNHH PKĐK An Phúc Sài Gòn	75297	51,316	
139	Công Ty TNHH PKĐK Quốc Tế Long Bình - Đdkd PKĐK Long Bình	75276	33,205	
140	Công Ty TNHH PKĐK Q1 Long Bình - Chi Nhánh Bàu Xéo	75293	33,205	
141	Công Ty TNHH PKĐK Hưng Hòa Phát	75406	18,112	
142	Trạm Y Tế Xã Bàu Hàm	75167	500	
143	Trạm Y Tế Xã Thanh Bình	75168	500	

STT	Tên đơn vị	Mã cơ sở	Số thẻ dự kiến năm 2023	Ghi chú
144	Trạm Y Tế Xã Cây Gáo	75169	500	
145	Trạm Y Tế Xã Hưng Thịnh	75188	500	
146	Trạm Y Tế Xã Đông Hoà	75189	500	
147	Trạm Y Tế Xã Tây Hoà	75190	500	
148	Trạm Y Tế Xã Đồi 61	75191	500	
149	Trạm Y Tế Xã Hồ Nai 3	75192	500	
150	Trạm Y Tế Xã Bắc Sơn	75193	500	
151	Trạm Y Tế Xã Giang Điền	75194	500	
152	Trạm Y Tế Xã Sông Thao	75195	500	
153	Trạm Y Tế Xã Sông Trầu	75196	697	
154	Trạm Y Tế Xã Bình Minh	75213	500	
155	Trạm Y Tế Xã Trung Hòa	75215	500	
156	Trạm Y Tế Xã An Viễn	75216	500	
157	Trạm Y Tế Thị Trấn Trảng Bom	75217	500	
	Xuân Lộc		195,980	
158	Trung Tâm Y Tế Huyện Xuân Lộc	75013	35,609	
159	Công Ty TNHH PKĐK Sài Gòn Tâm Trí	75291	37,132	
160	Chi Nhánh 2- Công ty CP PKĐK Ái Nghĩa Long Khánh -PKĐK Ái Nghĩa Xuân Lộc	75300	42,491	
161	Công Ty TNHH PKĐK Y Dược Hoàn Hảo	75400	9,902	
162	PKĐK Nhân Ngọc	75436	17,138	
163	Trạm Y Tế Thị Trấn Gia Ray	75148	500	
164	Trạm Y Tế Xã Lang Minh	75150	500	
165	Trạm Y Tế Xã Suối Cao	75151	3,479	
166	Trạm Y Tế Xã Xuân Thọ	75153	13,184	
167	Trạm Y Tế Xã Xuân Hòa	75154	4,563	
168	Trạm Y Tế Xã Xuân Tâm	75155	989	
169	Trạm Y Tế Xã Xuân Thành	75156	1,658	
170	Trạm Y Tế Xã Xuân Trường	75157	3,161	
171	Trạm Y Tế Xã Xuân Phú	75158	601	
172	Trạm Y Tế Xã Bảo Hoà	75160	6,327	
173	Trạm Y Tế Xã Xuân Bắc	75161	11,723	
174	Trạm Y Tế Xã Xuân Định	75164	6,524	
175	Trạm Y Tế Xã Xuân Hưng	75246	500	
	Tân Phú		146,140	
176	Trung Tâm Y Tế Huyện Tân Phú	75014	63,648	
177	PKĐK Việt Hương - Chi Nhánh Tân Phú	75440	49,389	
178	Trạm Y Tế Thị Trấn Tân Phú	75109	500	
179	Trạm Y Tế Xã Phú Điền	75110	1,472	

STT	Tên đơn vị	Mã cơ sở	Số thẻ dự kiến năm 2023	Ghi chú
180	Trạm Y Tế Xã Phú An	75111	895	
181	Trạm Y Tế Xã Trà Cổ	75112	1,336	
182	Trạm Y Tế Xã Phú Thanh	75113	2,302	
183	Trạm Y Tế Xã Phú Xuân	75114	2,318	
184	Trạm Y Tế Xã Phú Lâm	75115	2,625	
185	Trạm Y Tế Xã Phú Bình	75116	2,033	
186	Trạm Y Tế Xã Phú Sơn	75117	1,710	
187	Trạm Y Tế Xã Núi Tượng	75118	2,026	
188	Trạm Y Tế Xã Phú Lộc	75120	1,299	
189	Trạm Y Tế Xã Phú Thịnh	75121	1,724	
190	Trạm Y Tế Xã Phú Lập	75122	1,233	
191	Trạm Y Tế Xã Tà Lài	75123	2,493	
192	Trạm Y Tế Xã Thanh Sơn	75124	1,413	
193	Trạm Y Tế Xã Dak Lua	75125	3,867	
194	Trạm Y Tế Xã Phú Trung	75126	1,545	
195	Trạm Y Tế Xã Nam Cát Tiên	75240	2,312	
	Vĩnh Cửu		124,620	
196	Trung Tâm Y Tế Huyện Vĩnh Cửu	75015	17,543	
197	Ttyt Huyện Vĩnh Cửu Cơ Sở 2	75016		Không nhận ĐK KCB BD
198	Công Ty TNHH PKĐK Tín Đức	75272	19,006	
199	Công Ty TNHH PKĐK Lê Thiện Nhân	75289	21,747	
200	PKĐK Ái Nghĩa Thạnh Phú - Chi Nhánh 1 Công Ty CP Hệ Thống Y Khoa Ái Nghĩa	75412	26,096	
201	PKĐK Quốc Tế Nhân Dân	75447	21,747	
202	PKĐK Kv Phú Lý	75018		Không nhận ĐK KCB BD
203	Trạm Y Tế Xã Tân Bình	75037	500	
204	Trạm Y Tế Xã Vĩnh Tân	75047	500	
205	Ytcq Công Ty Changshin	75072	16,981	
206	Trạm Y Tế Xã Bình Lợi	75039	500	
	Nhơn Trạch		212,270	
207	Trung Tâm Y Tế Huyện Nhơn Trạch	75020	20,822	
208	Công Ty TNHH PKĐK Phúc Trạch	75269	13,827	
209	Chi Nhánh 3- Công Ty TNHH PKĐK Ái Nghĩa Đồng Khởi - PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch	75270	29,959	
210	Công Ty TNHH PKĐK Tâm Bình An	75284	36,872	
211	Công Ty TNHH PKĐK Y Dược Miền Đông Sài Gòn	75411	23,045	
212	PKĐK Tâm Bình An Phú Hữu	75413	20,741	
213	PKĐK Đại Phước	75422	6,914	
214	PKĐK Thuộc Công Ty TNHH Dv Y Tế Tam Phước – Chi Nhánh Nhơn Trạch	75434	9,218	
215	PKĐK Quốc Tế Long Bình - Chi Nhánh Phước Thiện	75442	11,523	

STT	Tên đơn vị	Mã cơ sở	Số thẻ dự kiến năm 2023	Ghi chú
216	PKDK Medical Tâm Đức	75446	11,523	
217	Trạm Y Tế Xã Đại Phước	75010	1,206	
218	Trạm Y Tế Xã Vĩnh Thanh	75127	1,698	
219	Trạm Y Tế Xã Phước Thiện	75128	5,641	
220	Trạm Y Tế Xã Phú Hội	75129	1,937	
221	Trạm Y Tế Xã Long Tân	75130	2,101	
222	Trạm Y Tế Xã Phú Thạnh	75131	2,078	
223	Trạm Y Tế Xã Phú Hữu	75132	649	
224	Trạm Y Tế Xã Phú Đông	75133	1,552	
225	Trạm Y Tế Xã Phước Khánh	75134	3,417	
226	Trạm Y Tế Xã Phước An	75135	2,067	
227	Trạm Y Tế Xã Long Thọ	75136	1,615	
228	Trạm Y Tế Xã Hiệp Phước	75137	3,866	
	Tổng Nhất		150,380	
229	Trung Tâm Y Tế Huyện Thống Nhất	75026	36,593	
230	Công TNHH PKDK Ân Khánh Sài Gòn	75280	49,531	
231	Công Ty TNHH Thủy Trung - PKDK Hoàng Dũng	75292	28,303	
232	Chi Nhánh Công ty TNHH Thủy Trung PKDK Hoàng Tiến Dũng 1	75420	24,766	
233	Trạm Y Tế Xã Xuân Thạnh	75102	500	
234	Trạm Y Tế Xã Xuân Thiện	75107	3,129	
235	Trạm Y Tế Xã Lộ 25	75166	1,592	
236	Trạm Y Tế Xã Hưng Lộc	75198	500	
237	Trạm Y Tế Xã Gia Tân 1	75200	1,126	
238	Trạm Y Tế Xã Gia Tân 2	75201	500	
239	Trạm Y Tế Xã Gia Tân 3	75202	2,169	
240	Trạm Y Tế Xã Gia Kiệm	75203	500	
241	Trạm Y Tế Xã Quang Trung	75204	671	
242	Trạm Y Tế Xã Bàu Hàm 2	75197	500	
	Cẩm Mỹ		116,850	
243	Trung Tâm Y Tế Huyện Cẩm Mỹ	75096	55,174	
244	Công Ty TNHH PKDK Tâm Y Sài Gòn	75408	43,559	
245	PKDK Kv Sông Ray	75019	6,651	
246	Trạm Y Tế Xã Xuân Mỹ	75092	1,863	
247	Trạm Y Tế Xã Thừa Đức	75093	939	
248	Trạm Y Tế Xã Xuân Đường	75094	522	
249	Trạm Y Tế Xã Long Giao	75095	500	
250	Trạm Y Tế Xã Xuân Quế	75097	1,539	
251	Trạm Y Tế Xã Sông Nhạn	75098	2,390	

STT	Tên đơn vị	Mã cơ sở	Số thẻ dự kiến năm 2023	Ghi chú
252	Trạm Y Tế Xã Xuân Đông	75149	842	
253	Trạm Y Tế Xã Xuân Bảo	75152	500	
254	Trạm Y Tế Xã Xuân Tây	75159	740	
255	Trạm Y Tế Xã Lâm Sơn	75162	585	
256	Trạm Y Tế Xã Bảo Bình	75163	545	
257	Trạm Y Tế Xã Nhân Nghĩa	75243	500	
	Cộng		3,004,830	

Ghi chú:

- Các cơ sở KCB tuyến tỉnh chỉ tiếp nhận đăng ký KCB cho người tham gia BHYT thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2, Điều 9, Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y Tế quy định đăng ký KCB ban đầu và chuyển tuyến KCB BHYT.
- Các cơ sở KCB Chuyên khoa không tiếp nhận thẻ đăng ký KCB BHYT ban đầu.